

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 10/7/2018
V/v: “*Ly hôn giữa ông T và chị P*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tuấn**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Hiếu**
2. Bà **Vũ Thị Đượm**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Xuân Dương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Phương Dung** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 10/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 602/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXXST –HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Trần Văn T - Sinh năm: 1956 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
- ***Bị đơn:*** Chị Đoàn Thị P - Sinh năm: 1981 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

****Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2017; trong quá giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:***

Ông và chị P chung sống và đăng ký kết hôn từ năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Đây là lần kết hôn thứ hai của ông.

Sau khi kết hôn, ông và chị P sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông và chị P chênh lệch về tuổi tác nên có suy nghĩ và cách sống quá khác biệt nhau. Ông và chị P thường xuyên cãi nhau và có những lời lẽ xúc phạm nhau. Chị P không chịu khó lao động, chỉ thích đi chơi và thường xuyên vắng nhà; không quan tâm tới chồng, con. Năm 2017, ông đã hai lần nộp đơn yêu cầu ly hôn với chị P tại Tòa án huyện Xuân Lộc. Lần thứ nhất, ông đã rút đơn khởi kiện, Tòa án đã ban hành

Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 37/2017/QĐST –HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2017; lần thứ hai, ông và chị P đã hòa giải đoàn tụ gia đình với nhau nên Tòa ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 201/2017/QĐST –HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017. Tuy nhiên, sau khi về sống với nhau được một thời gian ngắn thì vợ chồng lại mâu thuẫn; chị P dù đã được ông cho cơ hội nhưng không thay đổi tính cách.

Về con chung: Ông và chị P có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Như B, sinh ngày 13/8/2013. Hiện nay, cháu B đang sinh sống với ông T. Khi ly hôn, ông yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T xác định không có.

Về nợ chung: Ông T xác định không có.

Về án phí: Ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đoàn Thị P được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng chị P vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của chị P đối với yêu cầu khởi kiện của ông T.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện các thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Ông Trần Văn T và chị Đoàn Thị P kết hôn năm 2013. Trong cuộc sống vợ chồng, ông T và chị P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T với chị P. Vì con chung đang ở với ông T từ khi ly thân cho đến nay nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Trần Ngọc Như B, sinh ngày 13/8/2013 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về tài sản chung, nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Thủ tục tố tụng: Chị P đã được Tòa án tổng đạt Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó,

Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và chị Đoàn Thị P tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2013 tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Do đó, quan hệ hôn nhân của ông T, chị P là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của các đương sự thì thấy: Ông T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do hai người chênh lệch về tuổi tác, tính cách không hợp nhau, chị P không chăm lo cho gia đình. Ông T trình bày hai vợ chồng không còn chung sống từ tháng 9 năm 2016 đến nay. Từ đó đến nay, ông T, chị P không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Tuy chị P vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng qua trình bày của ông T có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T, chị P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên, chấp nhận cho ông T được ly hôn với chị P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Ông T có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung là Trần Ngọc Như B, sinh ngày 13/8/2013 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu B đang sinh sống cùng với ông T; chị P vắng mặt tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, không đưa ra ý kiến về nuôi dưỡng con chung. Do đó, cần thiết giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Ông T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P.

[4] Về tài sản chung: Ông T xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông T xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn T.

Ông Trần Văn T được ly hôn với chị Đoàn Thị P.

- Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Như B, sinh ngày 13/8/2013 cho ông Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đoàn Thị P.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

- Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Ông Trần Văn T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000375 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí. Ông T đã nộp đủ.

Ông Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Đoàn Thị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Tuân

